

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 10 tháng 09, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



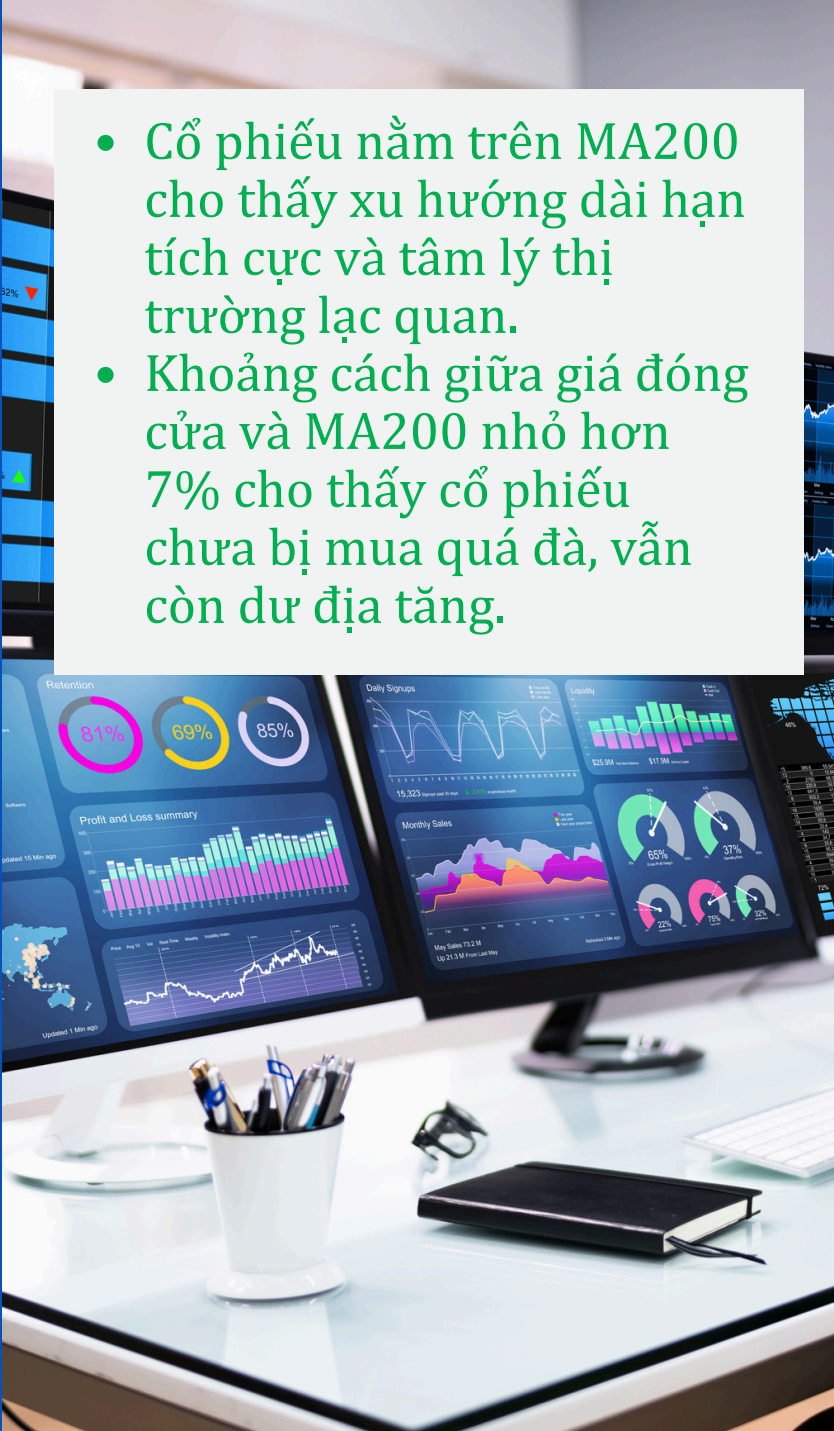
- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	AVG	09/09/2025	15.5	575.500	198.290	2.9
2	CDC	09/09/2025	29.2	1.240.700	499.640	2.48
3	RYG	09/09/2025	13.7	634.900	331.213	1.92
4	TCI	09/09/2025	12.5	1.859.200	984.793	1.89
5	MZG	09/09/2025	15.5	2.131.000	1.195.557	1.78
6	C69	09/09/2025	11.6	948.600	597.887	1.59
7	SHI	09/09/2025	14.25	545.500	354.837	1.54
8	KLB	09/09/2025	23.1	1.046.800	686.597	1.52
9	SGR	09/09/2025	27.95	529.100	367.270	1.44
10	EVG	09/09/2025	10.95	6.563.100	5.441.490	1.21
11	VPI	09/09/2025	57.5	2.755.500	2.330.057	1.18
12	DBC	09/09/2025	28.45	12.498.200	10.699.663	1.17
13	KBC	09/09/2025	38.35	13.274.300	11.902.843	1.12
14	VGT	09/09/2025	12.2	2.542.900	2.272.370	1.12
15	NKG	09/09/2025	17.95	25.184.400	22.704.870	1.11
16	DHC	09/09/2025	33.95	518.300	509.763	1.02
17	SMC	09/09/2025	13.2	584.700	580.843	1.01
18	DC4	09/09/2025	12	1.834.600	1.830.443	1



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAA	09/09/2025	8.01	2.469.190	45.37	7.83	2.33	0.11	0.02
2	ASM	09/09/2025	8.2	1.200.000	47.11	7.89	3.99	0.12	-0.04
3	BID	09/09/2025	40.65	9.909.630	47.82	38.35	6	0.61	-0.2
4	BMI	09/09/2025	21.65	578.440	49.21	20.75	4.32	0.1	0.11
5	DGW	09/09/2025	41.75	2.261.030	43.93	39.26	6.35	0.04	-0.16
6	DL1	09/09/2025	6.8	889.730	46.62	6.6	2.98	-0.25	0.29
7	DVM	09/09/2025	8	626.690	58.61	7.56	5.86	0.16	0.09
8	IDC	09/09/2025	42.4	2.091.610	47.94	41.83	1.36	0.91	-1.05
9	KSB	09/09/2025	19.15	2.495.940	51.57	18.01	6.3	0.26	0.11
10	NHA	09/09/2025	22.9	1.009.560	44.12	22.72	0.81	0.31	-0.09
11	PVD	09/09/2025	22.15	6.793.810	54.12	21.62	2.46	0.4	-0.66
12	PVS	09/09/2025	33.8	4.936.890	44.4	32.34	4.51	0.3	-0.62
13	SSB	09/09/2025	19.65	3.067.160	42.26	18.82	4.04	0.12	0.31
14	TDC	09/09/2025	12.3	973.180	43.53	11.64	5.63	0.09	0.32
15	VCB	09/09/2025	64.9	12.193.170	50.57	61	6.4	0.91	-0.09
16	VNM	09/09/2025	60.3	4.385.430	48.41	58.9	2.38	0.38	0.1
17	VPI	09/09/2025	57.5	2.746.500	58.02	55.68	3.28	0.78	-0.62
18	YEG	09/09/2025	13.8	2.647.430	45.13	13.62	1.35	0.1	0.41

Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ANV	28.1	29.45	4.922.650
2	C69	11.6	11.7	659350
3	HSL	15.9	16.6	969.390
4	L40	50.2	50.3	409.530
5	MPC	16.5	17.4	204830
6	MZG	15.5	15.6	1.372.240

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	BWE	46.7	46.7	122.460
2	HAX	12.95	12.95	1.627.160
3	HVH	13.25	12.7	384.200
4	LAS	18.4	18.3	424.860
5	PHP	34.9	34.5	102.000
6	PLX	35.45	35.15	1.864.960
7	SGR	27.95	27.35	323.950
8	TTN	16.3	16	97.660
9	VTO	11.75	11.6	400.620

Phá đáy 1 năm

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	AAH	4.2	4.13	1.443.600
2	NHA	22.9	22.72	1.009.560

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	EIB	27.2	26.85	17.679.270
2	EVF	13.3	13.3	13.902.450
3	GIL	19.7	19.5	1447390
4	HHS	17	16.98	6.691.930
5	HTN	11.4	11.31	1.435.910
6	HVN	31.5	31.34	996.750
7	PAN	32	31.63	1.725.080
8	PNJ	85.7	85.42	767.660
9	VFS	19.5	19.31	3301340

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AGR	18.55	18.47	3.079.070
2	DCS	1.1	01.05	624.050
3	DFE	1.5	1.43	3143730
4	DL1	6.8	6.78	889.730
5	DXS	13.2	12.69	5.021.530
7	HVN	31.5	31.26	996750
8	IVS	10.9	10.85	1212540
9	KLB	23.1	22.71	624550
10	PSI	9.3	9.2	1295110
11	SHS	26.8	26.18	36534432
12	VC3	28.4	28.3	951050
13	VIX	35.5	34.82	42473608
14	VND	24.5	24.38	45322200

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	DC4	12	12.08	879.920
2	GAS	62.1	62.54	1.076.240
3	OIL	11.6	11.65	1830490

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	LPB	42.3	43.02	3.394.810
2	REE	66.1	66.21	1.016.960
3	VCB	64.9	65.32	12193170
4	VDS	22.9	22.91	6.230.240
5	VTZ	18.9	18.91	2.099.240

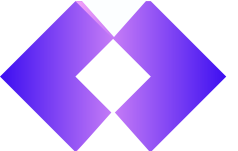
Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	CRC	11.5	11.21	1.364.740
2	TCD	2.63	2.66	1.067.410
3	VNM	60.3	60.42	4385430



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	QNS	09/09/2025	47.4	45.97	49.1	6.8	134.840
2	QTP	09/09/2025	13.4	13	13.9	6.9	457.940
3	VEA	09/09/2025	39.3	37.9	40.9	7.9	858.880
4	SAB	09/09/2025	46.3	45.45	50	10	908.320
5	PPC	09/09/2025	10.85	10.75	11.85	10.2	576.960
6	TNH	09/09/2025	15.75	15.6	17.2	10.3	405.900
7	SJD	09/09/2025	15.95	14.5	16	10.3	200.700
8	CLL	09/09/2025	36	33	36.6	10.9	107.640
9	SBG	09/09/2025	12.6	11.75	13.05	11.1	154.100
10	BWE	09/09/2025	46.7	46.7	51.9	11.1	144.900
11	PVP	09/09/2025	15.15	14.75	16.4	11.2	129.980
12	REE	09/09/2025	66.1	63.9	71.2	11.4	1.313.020
13	SCS	09/09/2025	59.8	59.53	66.3	11.4	312.040
14	SVT	09/09/2025	13.55	12.35	13.8	11.7	126.980
15	IMP	09/09/2025	54.9	50.3	56.5	12.3	102.720
16	PVT	09/09/2025	17.8	17.36	19.6	12.9	3.943.920
17	VLC	09/09/2025	15.1	14.09	16.9	13.4	139.100
18	ABI	09/09/2025	29.9	27.9	31.8	14	295.200
19	FMC	09/09/2025	37.7	35.2	40.3	14.5	108.260



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

- CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường
Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông
Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại: 0237 3515 009